CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI HƯNG YÊN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Hà Nội - Tháng 3 năm 2025

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
THÔNG TIN CHUNG	2
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 23

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH Một Thành Viên KTCT Thủy Lợi tỉnh Hưng Yên (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh số 0900243950, chứng nhận lần đầu ngày 03 tháng 8 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên, đăng kí thay đổi lần thứ tư vào ngày 09 tháng 9 năm 2024.

Vốn điều lệ của Công ty tại theo đăng ký kinh doanh là 630.358.933.742 đồng.

Trụ sở chính tại: Đường Hải Thượng Lãn Ông, thôn Xích Đằng, Phường Lam Sơn, Thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

Các thành viên của Ban lãnh đạo đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ban Lãnh đạo	Ông Bùi Quang Hạnh	Chủ tịch Công ty
	Ông Bùi Văn Sao	Giám đốc (từ ngày 01/09/2024)
	Ông Nguyễn Anh T.ú	Giám đốc (đến ngày 30/08/2024)
	Ông Luyện Duy Lộc	Phó Giám đốc
	Ông Lê Trọng Mạnh	Phó Giám đốc
	Ông Nguyễn Xuân Ví	Kế toán trưởng
	Bà Trần Thị Bích Ngọc	Kiểm soát viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm đến ngày 30/08/2024 là Ông Nguyễn Anh Tú, từ ngày 01/09/2024 và đến ngày lập báo cáo này là Ông Bùi Văn Sao - Giám đốc Công ty.

ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định Giá Đại Việt đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2024 cho Công ty.

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH HƯNG YÊN
Đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Hưng Yên (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Lãnh đạo cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau.

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 05 đến trang 23. Các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Hưng Yên tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện Ban Lãnh đạo,

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH HƯNG YÊN

Bùi Văn Sao
Giám đốc Công ty
Hưng Yên, ngày 14 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ĐẠI VIỆT
VPGD: BT14, HDI HOMES, số 201 Nguyễn Tuân,
P Nhân Chính, Q Thanh Xuân, TP Hà Nội
Tel: 0979 293 888 * Email: tinhbt.daiviet@gmail.com

Số: 2/2025/BCKT-TC-DAIVIET

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Ban lãnh đạo**
Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Hưng Yên

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Hưng Yên, được lập ngày 14 tháng 3 năm 2025, từ trang 05 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

- Chúng tôi đã không thể thực hiện kiểm kê tài sản cố định tại ngày 31/12/2024. Mặt khác, chi phí khấu hao chưa được đơn vị thực hiện phân bổ một cách nhất quán có hệ thống trong thời gian sử dụng hữu ích của chúng.

Ý kiến ngoại trừ của Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại "Cơ sở của ý kiến Kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Hưng Yên tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Đại Việt

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ĐẠI VIỆT
M.S.D.N: 0101... Q. BA ĐÌNH - TP. HÀ NỘI

Bùi Thị Tĩnh - Chủ tịch HĐTV
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1027-2023-296-1

Lê Văn Hiệp - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5001-2024-296-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**83.204.354.181**	**77.587.036.751**
I- Tiền và các khoản tương đương	**110**	**V.1**	**36.673.374.454**	**28.527.167.610**
1. Tiền	111		9.673.374.454	14.595.087.610
2. Các khoản tương đương tiền	112		27.000.000.000	13.932.080.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn	**120**	**V.2**	**-**	**21.504.000**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	21.504.000
II- Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**42.274.832.498**	**44.172.667.101**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	6.131.263.684	7.138.051.514
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		494.093.455	3.377.565.546
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	34.489.240.468	32.547.615.692
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	138		1.160.234.891	1.109.434.349
III- Hàng tồn kho	**140**	**V.6**	**3.190.608.249**	**3.243.359.284**
1. Hàng tồn kho	141		3.190.608.249	3.243.359.284
IV- Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**1.065.538.980**	**1.622.338.756**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.4	947.523.123	1.530.234.048
2. Thuế và các khoản khác phải thu N	153	V.10	118.015.857	92.104.708
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**1.784.717.849.047**	**1.708.577.223.525**
I- Tài sản cố định	**220**		**1.659.174.407.190**	**1.548.011.205.625**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	1.654.842.407.190	1.543.679.205.625
- Nguyên giá	*222*		*1.840.729.339.822*	*1.720.875.329.595*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(185.886.932.632)*	*(177.196.123.970)*
2. Tài sản cố định vô hình	227		4.332.000.000	4.332.000.000
- Nguyên giá	*228*		*4.332.000.000*	*4.332.000.000*
II- Tài sản dở dang dài hạn	**241**	**V.8**	**125.543.441.857**	**160.566.017.900**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		125.543.441.857	160.566.017.900
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**1.867.922.203.228**	**1.786.164.260.276**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**42.361.205.834**	**37.549.622.979**
I- Nợ ngắn hạn	**310**		**42.361.205.834**	**37.549.622.979**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	30.682.112.470	31.618.054.194
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		50	-
3. Thuế và các khoản phải nộp NN	313	V.10	37.809.935	10.062.684
4. Phải trả người lao động	314		3.710.494.223	2.574.376.848
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	517.409.000	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	6.802.228.000	3.105.919.805
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		611.152.156	241.209.448
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**1.825.560.997.394**	**1.748.614.637.297**
I- Vốn chủ sở hữu	**410**	V.13	**1.758.225.966.972**	**1.680.844.054.868**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.414.368.715.741	1.303.546.968.204
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biể	*411a*			
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		121.693.191	490.453.452
LNST CPP lũy kế đến cuối năm	*421a*		*453.425*	*210.202.718*
LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*121.239.766*	*280.250.734*
3. Nguồn vốn đầu tư XD cơ bản	422		343.735.558.040	376.806.633.212
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		**67.335.030.422**	**67.770.582.429**
1. Nguồn kinh phí	432		*9.113.654.511*	*13.830.115.087*
2. Nguồn KP đã hình thành TSCĐ	433		*58.221.375.911*	*53.940.467.342*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**1.867.922.203.228**	**1.786.164.260.276**

Đoàn Thị Ngọc Xuân	**Nguyễn Xuân Ví**	**Bùi Văn Sao**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc Công ty**
		Hưng Yên, ngày 14 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	165.327.566.197	145.950.384.239
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		165.327.566.197	145.950.384.239
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	133.595.813.834	118.706.302.217
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**31.731.752.363**	**27.244.082.022**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	576.410.797	1.234.422.948
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	30.131.542.959	29.024.192.420
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**2.176.620.201**	**(545.687.450)**
11. Thu nhập khác	31		22.779.625	1.342.702.720
12. Chi phí khác	32	VI.4	1.660.350.152	446.701.852
13. Lợi nhuận khác	**40**		**(1.637.570.527)**	**896.000.868**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**539.049.674**	**350.313.418**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	107.809.935	70.062.684
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**431.239.739**	**280.250.734**

Đoàn Thị Ngọc Xuân	**Nguyễn Xuân Ví**	**Bùi Văn Sao**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc Công ty**

Hưng Yên, ngày 14 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 03-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. Lưu chuyển tiền từ HĐ kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	166.357.133.702	145.798.156.171
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa	02	(69.665.685.662)	(81.693.666.816)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(66.590.899.410)	(65.301.497.013)
4. Tiền chi trả lãi vay	05	-	(474.743.916)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(80.062.684)	(71.526.219)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	74.220.000	
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(22.524.909.899)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**7.569.796.047**	**(1.743.277.793)**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
3. Tiền chi cho gửi tiết kiệm	23		(21.504.000)
2. Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng	27	576.410.797	1.234.422.948
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**576.410.797**	**1.212.918.948**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**	**8.146.206.844**	**(530.358.845)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	28.527.167.610	29.057.526.455
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**36.673.374.454**	**28.527.167.610**

Đoàn Thị Ngọc Xuân	**Nguyễn Xuân Ví**	**Bùi Văn Sao**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc Công ty**

Hưng Yên, ngày 14 tháng 3 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU B 09-DN**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. *Hình thức sở hữu vốn*

Công ty TNHH Một Thành Viên KTCT Thủy Lợi tỉnh Hưng Yên (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh số 0900243950, chứng nhận lần đầu ngày 03 tháng 8 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên, đăng kí thay đổi lần thứ tư vào ngày 09 tháng 9 năm 2024.

Vốn điều lệ của Công ty tại theo đăng ký kinh doanh là 630.358.933.742 đồng.

Chủ sở hữu Công ty là Ủy ban Nhân dân tỉnh Hưng Yên

Trụ sở chính tại: Đường Hải Thượng Lãn Ông, thôn Xích Đằng, Phường Lam Sơn, Thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

2. *Lĩnh vực kinh doanh*

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là Hoạt động công ích trong lĩnh vực tưới, tiêu, cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh;

3. *Ngành nghề kinh doanh*

Hoạt động chính của Công ty trong năm là: Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, thủy lợi phí.

4. *Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường*

Chu kỳ sản xuất kinh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá mười hai tháng.

5. *Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.*

Trong năm 2024, không có hoạt động nào có ảnh hưởng trọng yếu đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty.

Lưu ý: Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Hoạt động sản xuất của Công ty phụ thuộc vào thời vụ sản xuất nông nghiệp (Vụ chiêm, vụ mùa, vụ đông), doanh thu chủ yếu từ nguồn thu thủy lợi phí

6. *Cấu trúc doanh nghiệp*

6.1. Danh sách các công ty con; Không có; Danh sách các công ty liên doanh, liên kết; Không có

6.2. Danh sách các đơn vị trực thuộc: gồm 09 xí nghiệp và 01 văn phòng.

Xí nghiệp Thành phố Hưng Yên

Xí nghiệp huyện Khoái Châu

Xí nghiệp huyện Văn Lâm

Xí nghiệp huyện Mỹ Hào

Xí nghiệp huyện Yên Mỹ

Xí nghiệp huyện Ân Thi

Xí nghiệp huyện Kim Động

Xí nghiệp huyện Tiên Lữ

Xí nghiệp huyện Phù Cừ

7. *Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính*

Các thông tin và số liệu kế toán trong năm tài chính 2024 được trình bày mang tính so sánh.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

8. Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 826 người (tại 31/12/2023 là 833 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh có liên quan và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục và nguyên tắc kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính năm trước.

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài Chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán là chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. *Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

2. *Nguyên tắc kế toán nợ phải thu*

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết trong việc thanh toán trong thời gian tới).

3. *Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:*

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho;
- Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm, trạng thái hiện tại.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho;
- Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.
- Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho;
- Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4. *Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ*

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Khấu hao theo đường thẳng. Thời gian khấu hao của một số tài sản cụ thể như sau

Tài sản cố định hữu hình	Thời gian sử dụng
Nhà cửa vật kiến trúc	6- 50 năm
Máy móc, thiết bị	3 -15 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 10 năm
Vật dụng quản lý	3 - 10 năm

5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn;
- Bảo hộ lao động;
- Kiểm định thiết bị an toàn vệ sinh lao động;

Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

Chi phí khác

Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước.

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Các khoản nợ có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn, các khoản nợ có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả của Công ty bao gồm các chi phí duy tu, sửa chữa lớn tài sản cố định được trích trước và ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ nhằm đảm bảo khi phát sinh thực

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu vốn khác của chủ sở hữu.
- Theo đăng ký kinh doanh và theo quyết định của chủ sở hữu.

+ *Vốn khác*: Phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng;

Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau.

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

- Doanh thu cung cấp dịch vụ;

- Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Doanh thu hoạt động tài chính;

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Thu nhập khác.

Thu nhập khác quy định trong chuẩn mực này bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm:

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ;

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước;
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập;
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại;
- ...

▪ Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

11. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

12. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phát sinh là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh là các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

13. Nguyên tắc kế toán ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền mặt	189.566.746	216.449.519
Tiền gửi ngân hàng	9.483.807.708	14.378.638.091
Các khoản tương đương tiền	27.000.000.000	13.932.080.000
Cộng	**36.673.374.454**	**28.527.167.610**

Khoản tương đương tiền là số tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng

2. KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 năm và đã tất toán ngày 19/04/2025; Lãi suất 6%/ năm

3. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	6.131.263.684	7.138.051.514
Phải thu các HTX, DN nợ TLP, thu tiêu thoát nước công nghiệp, khác	*6.131.263.684*	*7.138.051.514*
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
c) Phải thu các bên liên quan	-	-
Cộng	**6.131.263.684**	**7.138.051.514**

4. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi tiết theo đối tượng	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Ngắn hạn (chi tiết theo từng khoản mục)	947.523.123	1.530.234.048
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;	*947.523.123*	*1.530.234.048*
Cộng	**947.523.123**	**1.530.234.048**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024 VND		01/01/2024 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a) Ngắn hạn	34.489.240.468	-	32.547.615.692	-
- Tạm ứng	*18.650.000*	-	*15.070.000*	-
- Phải thu khác.	*34.470.590.468*	-	*32.532.545.692*	-
+ NSNN về thủy lợi phí cấp bù	30.574.909.250	-	30.317.361.830	-
+ Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	16.449.315	-	14.958.904	-
Phải thu nguồn XDCB	1.310.004.507	-		-
Dự phòng khối lượng doanh thu cắt giảm	2.190.696.070	-	2.190.696.070	-
UBND huyện Châu Giang	149.000.000	-		-
Hỗ trợ nạo vét Mỹ Hào	98.952.700	-		-
Khác	130.578.626	-	9.528.888	-
Cộng	**34.489.240.468**	**-**	**32.547.615.692**	**-**

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024 VND		01/01/2024 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.781.348.201	-	2.747.161.572	-
Công cụ, dụng cụ	409.260.048	-	496.197.712	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	**3.190.608.249**	**-**	**3.243.359.284**	**-**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	TSCĐ Khác	Cộng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư 01/01/2024	**1.089.217.490.974**	**253.005.701.230**	**7.207.602.200**	**680.913.652**	**370.763.621.539**	**1.720.875.329.595**
Tăng trong năm	***220.960.109.712***	***21.905.695.877***	***1.904.157.053***	***4.120.732***	***21.308.234.868***	***266.082.318.242***
Đầu tư hoàn thành	220.960.109.712	21.905.695.877	1.904.157.053	4.120.732	21.308.234.868	266.082.318.242
Giảm trong năm	***136.919.196.848***	***7.770.505.539***	***1.538.605.628***	-	-	**146.228.308.015**
Thanh lý, điều chuyển	136.919.196.848	7.770.505.539	1.538.605.628			146.228.308.015
Số dư 31/12/2024	**1.069.009.615.498**	**252.108.060.063**	**7.207.602.200**	**454.096.480**	**369.329.889.479**	**1.840.729.339.822**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư 01/01/2024	**120.720.036.316**	**45.993.554.002**	**3.711.672.121**	**332.634.440**	**6.438.227.091**	**177.196.123.970**
Tăng trong năm	***6.560.922.794***	***3.747.387.963***	***1.566.472.259***	***14.049.291***	***550.183.861***	**12.439.016.168**
Khấu hao trong năm	6.560.922.794	3.747.387.963	1.566.472.259	14.049.291	550.183.861	12.439.016.168
Giảm trong năm	-	***3.748.207.506***	-	-	-	***3.748.207.506***
Thanh lý, điều chuyển		3.748.207.506			-	3.748.207.506
Số dư 31/12/2024	**127.280.959.110**	**45.992.734.459**	**5.278.144.380**	**346.683.731**	**6.988.410.952**	**185.886.932.632**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2024	**968.497.454.658**	**207.012.147.228**	**3.495.930.079**	**348.279.212**	**364.325.394.448**	**1.543.679.205.625**
Tại ngày 31/12/2024	**941.728.656.388**	**206.115.325.604**	**1.929.457.820**	**107.412.749**	**362.341.478.527**	**1.654.842.407.190**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

8. CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Nội dung	31/12/2024 VND		01/01/2024 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
b) Xây dựng cơ bản dở dang	125.543.441.857	125.543.441.857	160.566.017.900	160.566.017.900
Xây dựng TB không ống cột nước thấp tiêu, tưới Mai Viên, Kim	*14.630.908.059*	*14.630.908.059*	*14.267.851.044*	*14.267.851.044*
TB không ống cột nước thấp Ba Đông, huyện Phù Cừ	*14.523.309.373*	*14.523.309.373*	*13.524.788.628*	*13.524.788.628*
TB không ống cột nước thấp Đầm Sen, huyện Yên Mỹ	*14.515.635.466*	*14.515.635.466*	*14.070.748.466*	*14.070.748.466*
HT kè một số đoạn trên sông Ngưu Giang	*14.376.698.640*	*14.376.698.640*	*14.304.585.640*	*14.304.585.640*
Trạm bơm tiêu không ống cột nước thấp Văn Giang II	-	-	*14.558.393.060*	*14.558.393.060*
TB không ống cột nước thấp Chợ Thi, huyện Ân Thi	-	-	*14.259.623.463*	*14.259.623.463*
Trạm bơm không ống cột nước thấp Phúc Bố, Mỹ Hào	-	-	*13.964.693.202*	*13.964.693.202*
Khác	*82.012.525.785*	*82.012.525.785*	*61.615.334.397*	*61.615.334.397*
Cộng	**125.543.441.857**	**125.543.441.857**	**160.566.017.900**	**160.566.017.900**

9. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN NGƯỜI BÁN

	31/12/2024 VND		01/01/2024 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	30.682.112.470	30.682.112.470	31.618.054.194	31.618.054.194
Công ty TNHH thương mại và xây dựng Hồng Hà	*3.507.691.000*	*3.507.691.000*	*1.904.632.000*	*1.904.632.000*
Công ty TNHH MTV XD và TM Đại Hải Phong	*2.375.606.000*	*2.375.606.000*	*3.058.687.000*	*3.058.687.000*
Công ty Cổ phần xây lắp và thương mại Tân Hưng	*1.535.753.576*	*1.535.753.576*	*1.962.122.000*	*1.962.122.000*
Công ty TNHH Hồng Nhẫn	*1.495.596.000*	*1.495.596.000*	*87.300.000*	*87.300.000*
Công ty Điện lực Hưng Yên - CN TCT điện lực Miền Bắc	*1.448.622.191*	*1.448.622.191*	*3.030.369.822*	*3.030.369.822*
Công ty cổ phần xây dựng Khoái Châu Hưng Yên	*1.259.595.000*	*1.259.595.000*	-	-
Khác	*19.059.248.703*	*19.059.248.703*	*21.574.943.372*	*21.574.943.372*
Cộng	**30.682.112.470**	**30.682.112.470**	**31.618.054.194**	**31.618.054.194**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

a) Phải nộp (chi tiết theo từng loại thuế)	31/12/2024 VND	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	01/01/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	19.073.370	19.073.370	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	37.809.935	107.809.935	80.062.684	10.062.684
Thuế TNCN	-	57.956.040	57.956.040	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	12.000.000	12.000.000	-
Cộng	**37.809.935**	**196.839.345**	**169.092.094**	**10.062.684**

b) Phải thu (chi tiết theo từng loại thuế)	31/12/2024 VND	Số phát sinh	Số đã thu được trong năm	01/01/2024 VND
Các khoản khác phải thu Nhà nước	118.015.857		25.911.149	92.104.708
Cộng	**118.015.857**	**-**	**25.911.149**	**92.104.708**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Ngắn hạn	517.409.000	-
Chi phí trích trước tạm tính giá	*517.409.000*	-
b) Dài hạn	-	-
Cộng	**517.409.000**	**-**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG KẾT QUẢ KINH DOANH

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Bảo hiểm xã hội	225.395.604	228.954.730
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	273.216.000	41.045.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.303.616.396	2.835.920.075
Điều chỉnh theo KTNN	*2.512.318.507*	*2.512.318.507*
QLDA nguồn vốn BV đất trồng lúa 2024	*866.043.000*	-
Quản lý dự án nguồn vốn thiên tai	*268.177.081*	
UBND TX Mỹ Hào chi nhánh Mỹ Hào	*492.951.000*	
UBND thành phố Hưng Yên hỗ trợ XN Tp	*1.578.770.000*	
Nguyễn Anh Tú (Quyết toán TB Tam Đô)	*100.000.000*	
Đoàn Danh Khởi (Quyết toán TB Tam Đô)	*50.000.000*	
Nguyễn Chí Phan (Quyết toán TB Tam Đô)	*50.000.000*	
Khác	*385.356.808*	*323.601.568*
Cộng	**6.802.228.000**	**3.105.919.805**

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Cộng
Số dư 01/01/2023	**1.251.939.899.504**	**610.202.718**	**365.086.020.045**	**1.617.636.122.267**
Tăng vốn năm trước	51.607.068.700			51.607.068.700
Lãi năm trước		280.250.734	280.250.734	560.501.468
Trích quỹ		(400.000.000)		(400.000.000)
Kết chuyển nguồn			11.440.362.433	11.440.362.433
Số dư 31/12/2023	**1.303.546.968.204**	**490.453.452**	**376.806.633.212**	**1.680.844.054.868**
Số dư 01/01/2024	**1.303.546.968.204**	**490.453.452**	**376.806.633.212**	**1.680.844.054.868**
Tăng vốn năm nay	153.251.638.456			153.251.638.456
Lãi trong năm nay		431.239.739		431.239.739
Phân phối LN		(800.000.000)		(800.000.000)
Kết chuyển nguồn		-	(33.071.075.172)	(33.071.075.172)
Số dư 31/12/2024	**1.456.798.606.660**	**121.693.191**	**343.735.558.040**	**1.800.655.857.891**

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu.

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Vốn góp của Nhà Nước	1.456.798.606.660	1.303.546.968.204
Cộng	1.456.798.606.660	1.303.546.968.204

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG KẾT QUẢ KINH DOANH

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	165.327.566.197	145.950.384.239
Cộng	**165.327.566.197**	**145.950.384.239**

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	133.595.813.834	118.706.302.217
Cộng	**133.595.813.834**	**118.706.302.217**

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	576.410.797	1.234.422.948
Cộng	**576.410.797**	**1.234.422.948**

4. THU NHẬP KHÁC - CHI PHÍ KHÁC

Thu nhập khác	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Các khoản khác	22.779.625	1.342.702.720
Cộng	**22.779.625**	**1.342.702.720**

Chi phí khác	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Khác	1.660.350.152	446.701.852
Cộng	**1.660.350.152**	**446.701.852**

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
a) Các khoản CPQL DN phát sinh trong kỳ	30.131.542.959	29.024.192.420
b) Các khoản chi phí BH phát sinh trong kỳ	-	-
Cộng	**30.131.542.959**	**29.024.192.420**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG KẾT QUẢ KINH DOANH

6. CHI PHÍ THUẾ TNDN

	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	107.809.935	70.062.684
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện l	**107.809.935**	**70.062.684**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**539.049.674**	**350.313.418**
Tổng thu nhập chịu thuế	***539.049.674***	***350.313.418***
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	107.809.935	70.062.684
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	**107.809.935**	**70.062.684**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có số dư và giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau.

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Kiểm soát viên và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt chủ yếu là tiền công tiền lương như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Họ và tên	Chức danh	Năm nay	Năm trước
Ông Bùi Quang Hạnh	Chủ tịch Công ty	259.200.000	259.200.000
Ông Nguyễn Anh Tú	Giám đốc (Đến ngày 30/08/2024)	176.800.000	249.600.000
Ông Bùi Văn Sao	Giám đốc (từ ngày 01/09/2024)	229.200.000	220.800.000
Ông Luyện Duy Lộc	Phó Giám đốc	140.300.000	220.800.000
Ông Lê Trọng Mạnh	Phó Giám đốc	220.800.000	220.800.000
Ông Nguyễn Xuân Ví	Kế toán trưởng	201.600.000	201.600.000
Bà Trần Thị Bích Ngọc	Kiểm soát viên	216.200.000	161.000.000

VI. THÔNG TIN KHÁC

2. THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

3. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Công ty không phát sinh bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính năm nay.

Đoàn Thị Ngọc Xuân	**Nguyễn Xuân Ví**	**Bùi Văn Sao**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc Công ty**
		Hưng Yên, ngày 14 tháng 3 năm 2025